TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
Tỉnh Bến Tre
Bản án số: **391**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 8 - 2019
V/v "*Ly hôn*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hồ Thị Triết
- Các hội thẩm nhân dân :
1. Ông Nguyễn Văn Miêng
2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quí– Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 361/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1806/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/7/2019; quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09/8/2019 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số: 2058/2019/QĐ-CA ngày 20/8/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Phạm Thị O, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Số 42/5, ấp AN, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Huỳnh Văn T, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Số 42/5, ấp AN, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 17/6/2019, đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 12/8/2019 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ chị Phạm Thị O trình bày:

Chị O và anh Huỳnh Văn T cưới nhau vào năm 1996, sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AT và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/10/2002, trong thời gian sống chung có 02 con chung tên Huỳnh Thị H, sinh ngày 18/10/1997 đã trưởng thành, còn Huỳnh Thị Kim Y, sinh ngày 16/01/2004 hiện nay đang sống chung với chị O. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên tranh cãi, xảy ra mâu thuẫn nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt và đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Chị O yêu cầu về hôn nhân được ly hôn với anh Huỳnh Văn T. Về con chung Huỳnh Thị H, sinh ngày 18/10/1997 đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét;

Con chung Huỳnh Thị Kim Y, sinh ngày 16/01/2004 chị O yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, chị O không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn anh Huỳnh Văn T vắng mặt nhưng trong quá trình tố tụng anh T đã trình bày:

Anh T thống nhất với chị Phạm Thị O về thời gian cưới nhau, kết hôn, con chung, nguyên nhân mất hạnh phúc và quá trình ly thân nhưng anh muốn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị O. Nếu Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị O thì con chung Huỳnh Thị H, sinh ngày 18/10/1997 đã trưởng thành nên anh T không yêu cầu xem xét; Anh T đồng ý để chị O được trực tiếp nuôi dưỡng Huỳnh Thị Kim Y, sinh ngày 16/01/2004 và không yêu dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án cho rằng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; Tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục tố tụng; người tham gia tố tụng là nguyên đơn nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền của mình trong quá trình tố tụng nhưng đối với bị đơn chưa nghiêm túc thực hiện hiện đầy đủ quyền của mình, tại phiên tòa vắng mặt không lý do.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị O được ly hôn với anh Huỳnh Văn T. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn do hai bên không yêu cầu nên không xem xét. Về con chung: Huỳnh Thị H, sinh ngày 18/10/1997 đã trưởng thành nên không xem xét; Chị O được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Huỳnh Thị Kim Y, sinh ngày 16/01/2004 (theo nguyện vọng của con chung) và anh T không cấp dưỡng nuôi con do chị O không yêu cầu. Về tài sản chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị O yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Văn T, do bị đơn sinh sống tại huyện P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị O có yêu cầu xin xét xử vắng mặt, anh Huỳnh Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị O, anh T.

[3] Chị Phạm Thị O và anh Huỳnh Văn T cưới nhau vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AT vào năm 2012 là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai bên không có thiện chí dung hòa khắc phục mâu thuẫn hiện nay đã ly thân, trong khoảng thời gian không sống chung hai bên không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn tình cảm, cũng như hai bên không có giải pháp nào giải quyết những mâu thuẫn để sum họp gia đình và từ khi ly thân hai bên có cuộc sống riêng tư, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đồng thời quá trình giải quyết Tòa án thu thập chứng cứ bằng biện pháp xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị O và anh T thì được địa phương xác nhận tình trạng hôn nhân hai bên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống và sinh hoạt. Xác định chị O và anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị O là có cơ sở phù hợp tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cho chị Phạm Thị O được ly hôn với anh Huỳnh Văn T. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[4] Xét về con chung: Huỳnh Thị H, sinh ngày 18/10/1997 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyét;

Chị O và anh T thống nhất cho chị O được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Huỳnh Thị Kim Y, sinh ngày 16/01/2004 (theo nguyện vọng của con chung) và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị O không yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự.

[5] Về tài sản chung: Chị O và anh T không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Chị O, anh T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Chị Phạm Thị O phải nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 227, 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Toà án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị O. Cho chị Phạm Thị O được ly hôn với anh Huỳnh Văn T. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

2. Về con chung: Huỳnh Thị H, sinh ngày 18/10/1997 đã trưởng thành nên không xem xét;

Chị O được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Huỳnh Thị Kim Y, sinh ngày 16/01/2004 và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị O không có yêu cầu.

Anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định.

3. Về tài sản chung: Chị O, anh T không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị O, anh T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Phạm Thị O phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số: 0003901 ngày 17/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P. Như vậy án phí chị O đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã AT;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết